

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2018/HNGĐ-ST
Ngày 19/11/2018
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thu Trang**
- Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Mai Phương và ông Lê Minh Mãi**
- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Việt Hùng – Thư ký Tòa án**
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên Tòa: **Ông Nguyễn Văn Hòa –Kiểm sát viên.**

Trong ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 412/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018 về : “ Tranh chấp xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 77 /2018/QĐST-HPT ngày 31/10/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trình Thị T**, sinh năm 1987;

HKTT: Số 63 ngõ 103 K, phường K, quận B, thành phố Hà Nội.

Nơi ở: Khu 10 L, huyện H, tỉnh P.

- Bị đơn: Anh **Trần Mạnh H**, sinh năm 1981;

HKTT và nơi ở: Số 63 ngõ 103 K, phường K, quận B, thành phố Hà Nội.

(Chị T có mặt, anh H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 16/ 7/2018 cùng bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Trình Thị T trình bày:

- Về tình cảm: Chị Trình Thị T và anh Trần Mạnh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có qua tìm hiểu, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, quận B, thành phố Hà Nội vào ngày 29/10/2008.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình chồng tại địa chỉ: Số nhà 63/103 K, phường K, quận B, thành phố Hà Nội.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Trần Mạnh H nghiện ma túy dẫn đến kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn. Chị T đã góp ý khuyên giải anh H nhiều lần đi cai nghiện nhưng anh H đều từ chối không đi cai nghiện, vì vậy, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát nhau. Chị T cũng đã cho anh H nhiều cơ hội để sửa đổi bản thân nhưng anh H không chịu sửa đổi. Gia đình hai bên nội ngoại cũng đã khuyên giải cả hai vợ chồng nhưng không có kết quả.

Do cuộc sống vợ chồng căng thẳng, nên tháng 6/2018 chị T chuyển về ở nhà bố mẹ đẻ tại Khu 10 xã L, huyện H, tỉnh P, còn anh H vẫn ở nhà bố mẹ đẻ anh và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh H đã nhiều lần đến gặp và xin chị tha thứ, rút đơn quay về để vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên theo chị T thì chị cũng đã cho anh H nhiều cơ hội để sửa đổi, nhưng anh H không từ bỏ được ma túy, nên chị đã không đồng ý quay về. Khi biết anh H biết quan điểm của chị T cương quyết ly hôn, không rút đơn về, anh H có nói với chị là anh không đồng ý ly hôn, và sẽ không ra Tòa giải quyết.

Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Mạnh H

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Thúy H, sinh ngày 07/07/2009 và Trần Thúy H, sinh ngày 03/01/2015. Hiện nay cả 02 cháu đang ở cùng chị T.

Khi ly hôn chị T xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh H đóng góp tiền nuôi con chung vì hiện tại theo chị được biết thì anh H không có công việc ổn định. Hiện chị đang làm công nhận may cho một doanh nghiệp, thu nhập là 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nhà ở chung và khoản nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản, nhà ở, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh H để chị còn ổn định cuộc sống nuôi dạy con cái.

Anh Trần Mạnh H đã được Tòa án tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, tuy nhiên anh H vẫn không đến tòa làm việc theo giấy báo; thông báo của Tòa án, do vậy Tòa án không tiến hành lấy lời khai của anh H, cũng như không tiến hành hòa giải cho các bên đương sự được. Tại phiên Tòa hôm nay anh H

vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh theo luật định

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

**Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm, thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ Luật Tố Tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, đây là lần thứ 2 bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Mạnh H là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Ý kiến của đại diện viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ khoản 2 Điều 4; khoản 1 Điều 28; khoản 2 Điều 42; khoản 2 điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 267 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 63; Điều 70; khoản 1 Điều 71; khoản 1, 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 39 bộ luật Dân sự; Áp dụng Điều 15; khoản 1 Điều 20 Luật phí và lệ phí năm 2015 và các khoản 5a Điều 27 và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Trình Thị T đối với anh Trần Mạnh H.

- Về con chung: chị Trình Thị T đối với anh Trần Mạnh H có 02 con chung là Trần Thúy H, sinh ngày 07/07/2009 và Trần Thúy H, sinh ngày 03/01/2015. Giao cả 02 con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Tạm hoãn việc đóng góp tiền nuôi con chung đối với anh Trần Mạnh H cho đến khi chị T có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác của pháp luật. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản

-Về tài sản chung, nhà ở chung và khoản nợ chung : Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về công nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí LHST: Chị Trình Thị T phải chịu án phí theo luật định.

- Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

- Tòa án thụ lý đơn xin ly hôn của chị Trình Thị T đối với anh Trần Mạnh H là đúng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015

- Tại phiên Tòa ngày 31/10/2018, bị đơn anh Trần Mạnh H vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án đã hoãn phiên Tòa và tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên Tòa và giấy báo cho anh H đến tham gia phiên Tòa hôm nay, song anh Trần Mạnh H vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Mạnh H.

** Về nội dung:*

[1]. Chị Trình Thị T và anh Trần Mạnh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường K, quận B, thành phố Hà Nội vào ngày 29/10/2008. Đây là hôn nhân hợp pháp.

[2]. Sau khi kết hôn vợ chồng Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh H tại địa chỉ: Số nhà 63/103 K, phường K, quận B, thành phố Hà Nội.

[3]. Căn cứ các tài liệu có trong hồ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 6 năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Trần Mạnh H nghiện ma túy dẫn đến kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn. Chị T đã góp ý khuyên giải anh H nhiều lần đi cai nghiện nhưng anh H đều từ chối không đi cai nghiện, vì vậy, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Gia đình hai bên nội ngoại cũng đã khuyên giải cả hai vợ chồng nhưng không có kết quả. Do cuộc sống vợ chồng căng thẳng nên chị T đã về nhà bố mẹ đẻ của chị tại Khu 10 xã L, huyện H, tỉnh P ở, còn anh H vẫn ở nhà bố mẹ đẻ anh và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2018 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh H và chị T cũng có gặp gỡ, nói chuyện để khắc phục mâu thuẫn, tuy nhiên do chị T thấy anh H không sửa đổi cách sống nên không đồng ý quay về đoàn tụ.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H đến Tòa án làm việc cũng như tham gia các phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do, không có bất cứ ý kiến hay quan điểm gì về việc chị T xin ly hôn, mặc dù thông qua gia đình anh H thì Hội đồng xét xử thấy anh H có T tư là muốn vợ chồng hàn gắn và anh không muốn ly hôn, tuy nhiên anh H lại không có bất kỳ hành động nào để cải thiện tình cảm vợ chồng, khắc phục mâu thuẫn, không đến Tòa để Tòa án hòa giải cho vợ chồng anh, ngay cả khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, anh H vẫn vắng mặt không có lý do gì.

Tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập tại gia đình nội, ngoại 2 bên và tại địa phương nơi vợ chồng cư trú đều thể hiện vợ chồng anh H chị T có mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H mắc nghiện ma túy, gia đình và chị T đã khuyên giải anh H đi cai nghiện nhưng không có kết quả, hiện vợ chồng đang sống ly thân nhau mỗi người một nơi.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị T, anh H đã trở lên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trình Thị T đối với anh Trần Mạnh H.

[4]. Về con chung: Anh H và chị T có 02 con chung là Trần Thúy H, sinh ngày 07/07/2009 và Trần Thúy H, sinh ngày 03/01/2015.

Xét thấy: Cháu Trần Thúy H đã đủ tuổi hỏi ý kiến và cháu có nguyện vọng ở với chị T, và chị T có nguyện vọng khi ly hôn được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh H không phải đóng góp tiền nuôi con chung, vì hiện tại công việc và thu nhập của anh không ổn định. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cả 2 con chung cho chị T nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi cho các cháu, nên được chấp nhận.

Do chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi các con chung vì lý do hiện nay anh H không có công việc và thu nhập ổn định, nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi các con chung đối với anh H cho đến khi chị T có yêu cầu, hoặc khi có sự thay đổi khác của pháp luật.

[5]. Về tài sản chung và nhà ở chung: Chị T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nhà ở chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về khoản nợ chung: Chị T xác nhận vợ chồng không cùng vay nợ ai và không cùng cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí LHST: Chị Trình Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[8]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9]. Quan điểm của đại diện viện Kiểm sát nhân dân quận B đối với việc giải quyết vụ án cũng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

Quyết định

Áp dụng Điều 56, 58; 59; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015, Điều 27 khoản 5a Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của Chị Trình Thị T

Chị Trình Thị T được ly hôn anh Trần Mạnh H

2. Về con chung: Chị Trình Thị T và anh Trần Mạnh H có 02 con chung là Trần Thúy H, sinh ngày 07/07/2009 và Trần Thúy H, sinh ngày 03/01/2015.

Giao các con chung là Trần Thúy H và Trần Thúy H cho chị Trình Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Trần Mạnh H cho đến khi chị T có yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác của pháp luật.

Anh Trần Mạnh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung và khoản nợ chung: Chị T xác nhận vợ chồng không có tài sản và nhà ở chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về khoản nợ chung: Chị T xác nhận vợ chồng không cùng vay nợ ai và không cùng cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

5. Về án phí LHST: Chị Trình Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005892 ngày 30/7 /2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Trình Thị T, vắng mặt anh Trần Mạnh H. Chị Trình Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Mạnh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm Sát nhân dân quận B;
- Chi cục THADS quận B;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội;
- UBND phường K, quận B, thành phố Hà Nội
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Trang